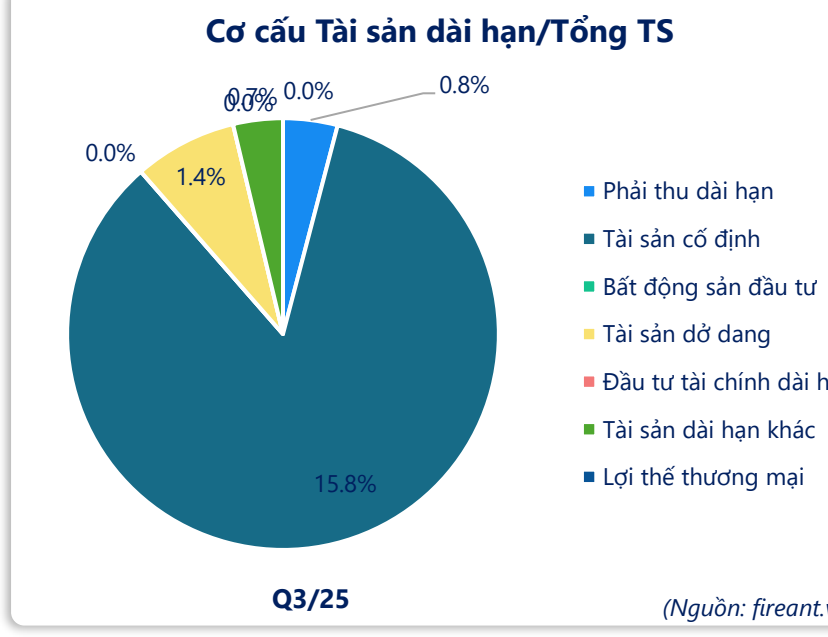
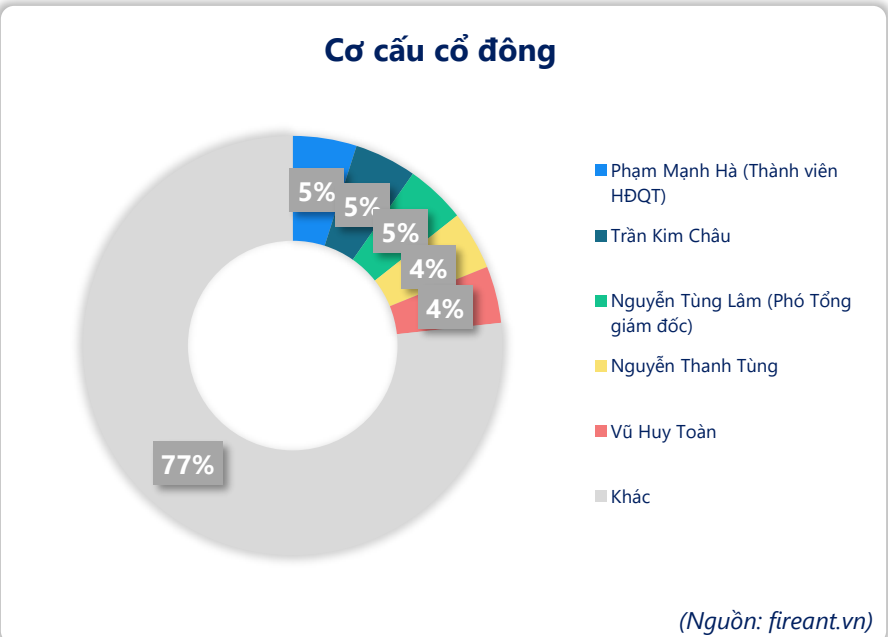
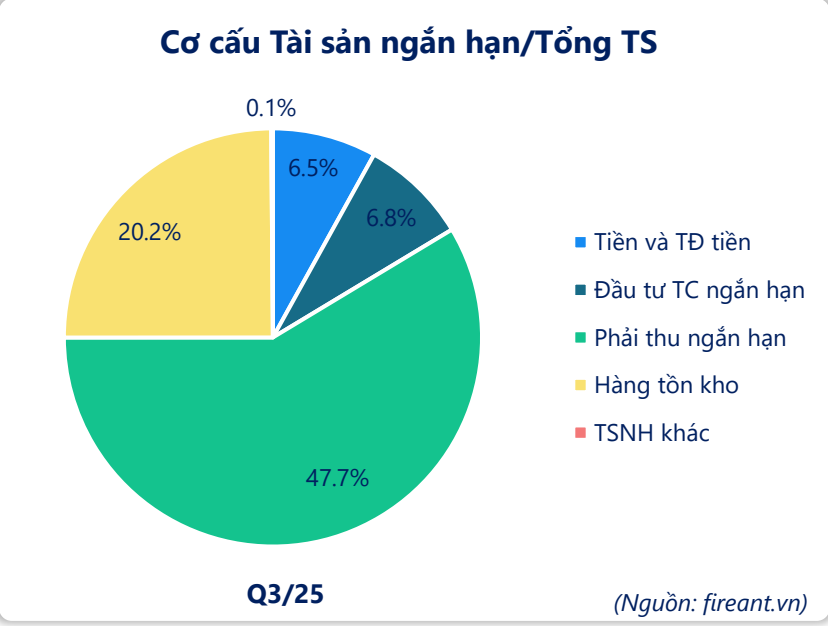
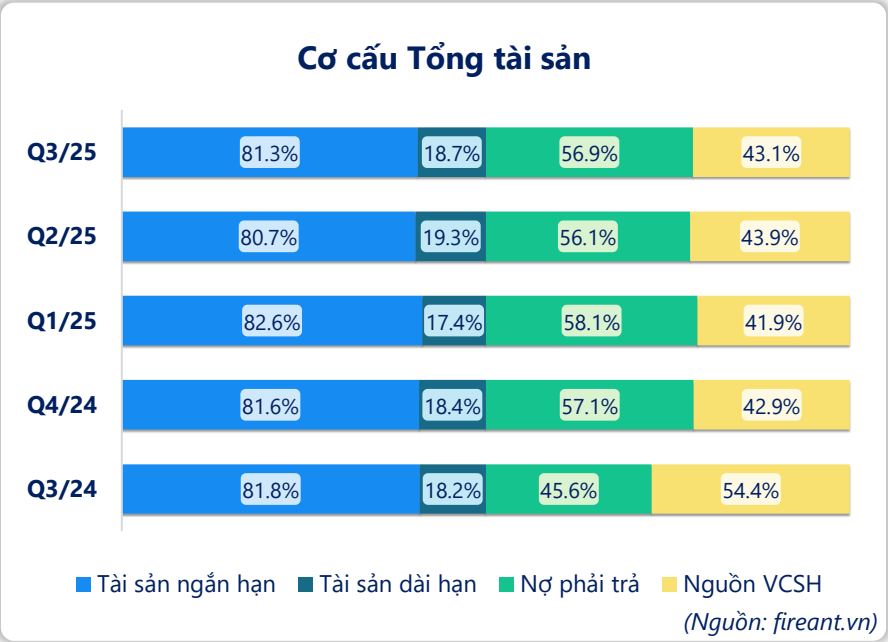
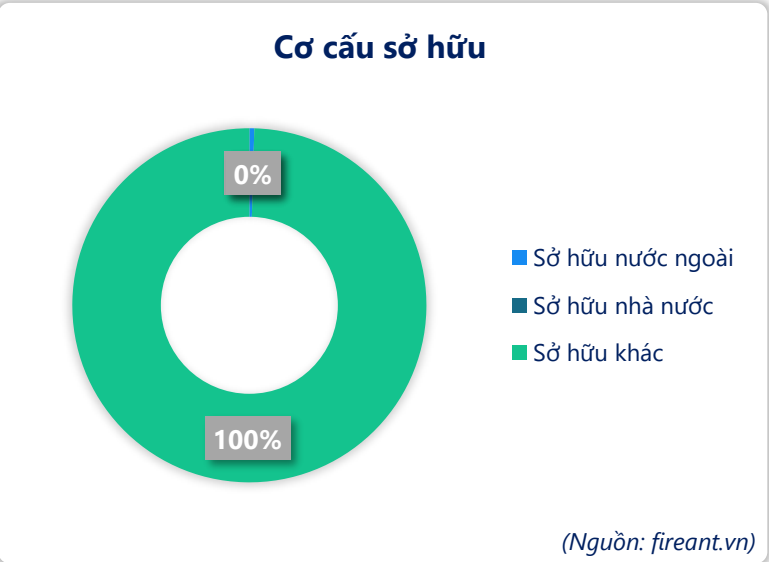
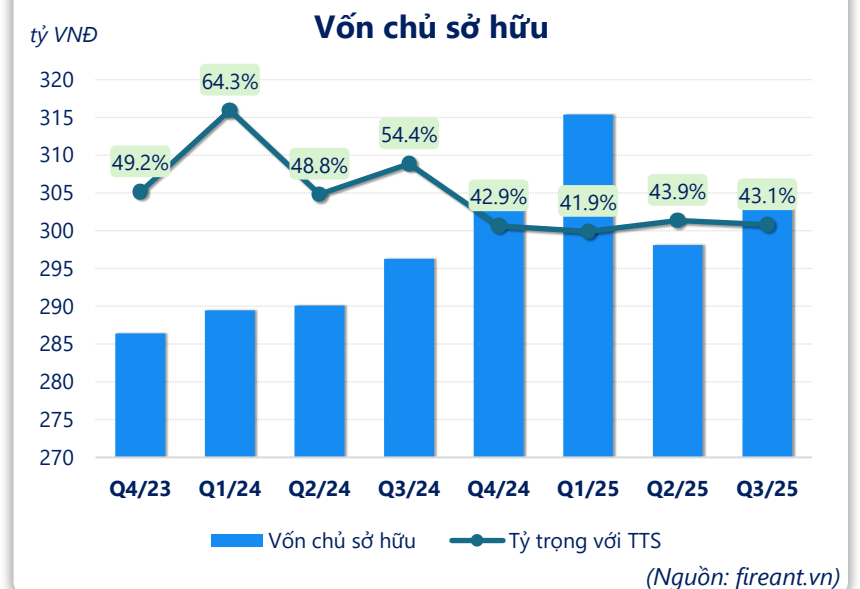
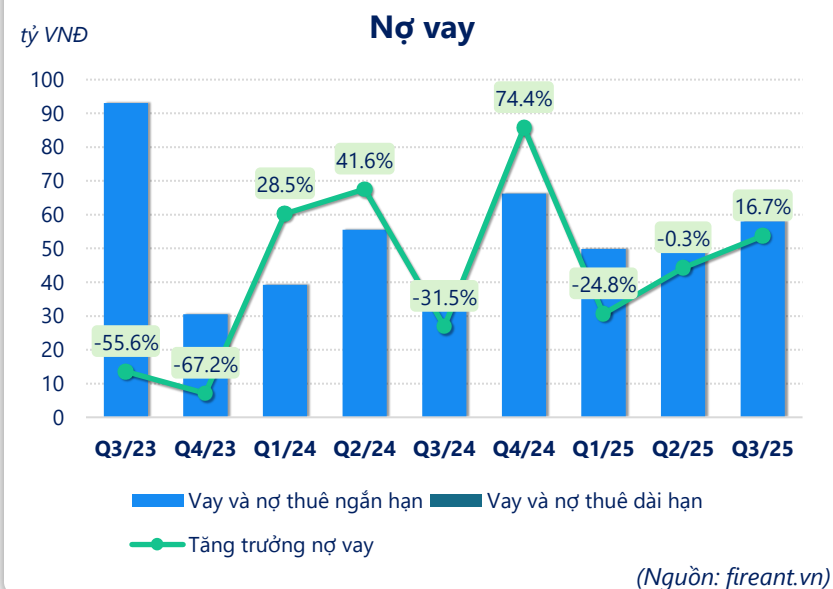
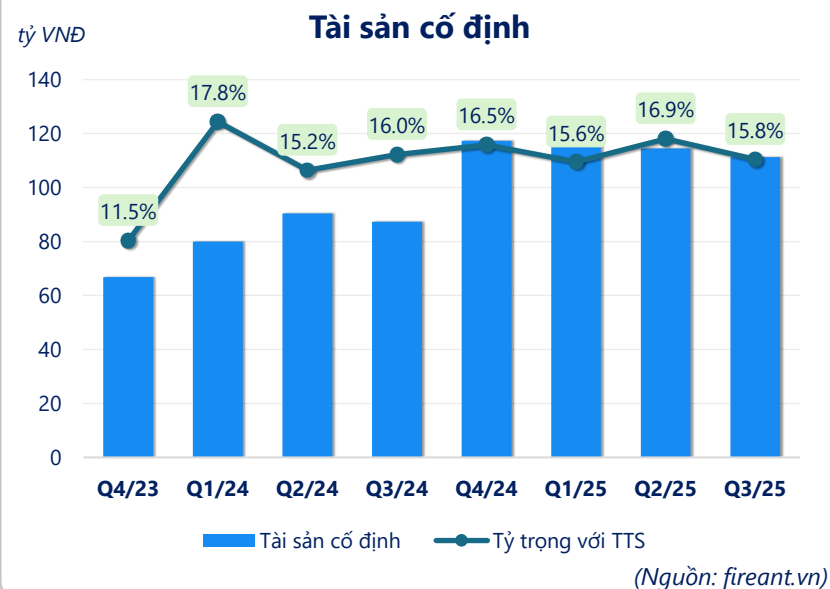
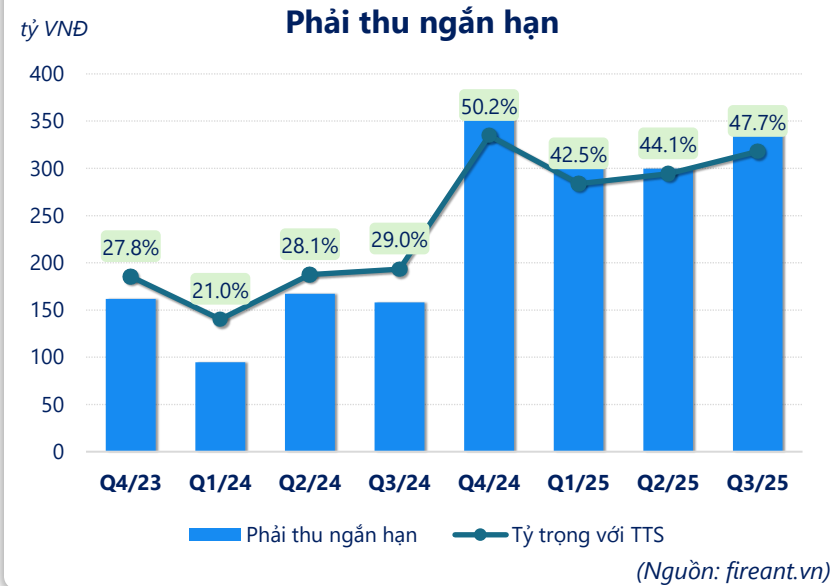
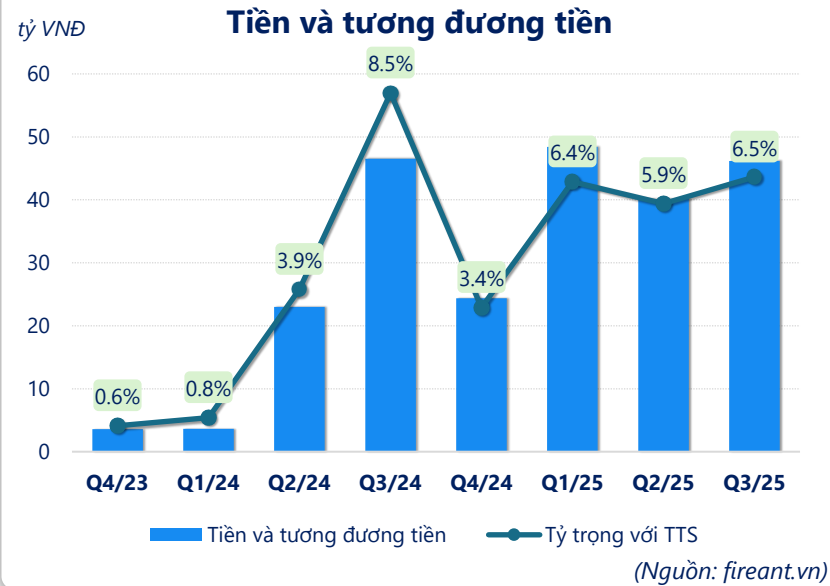
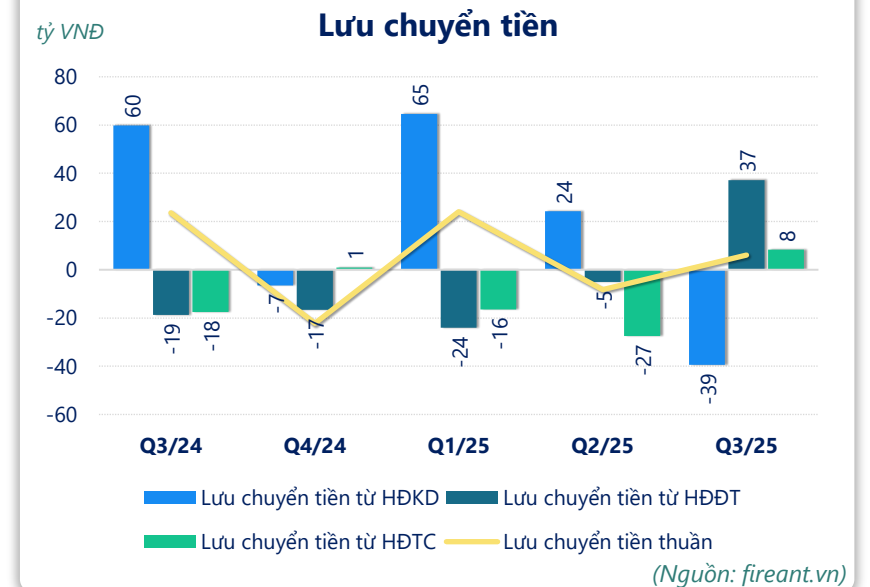
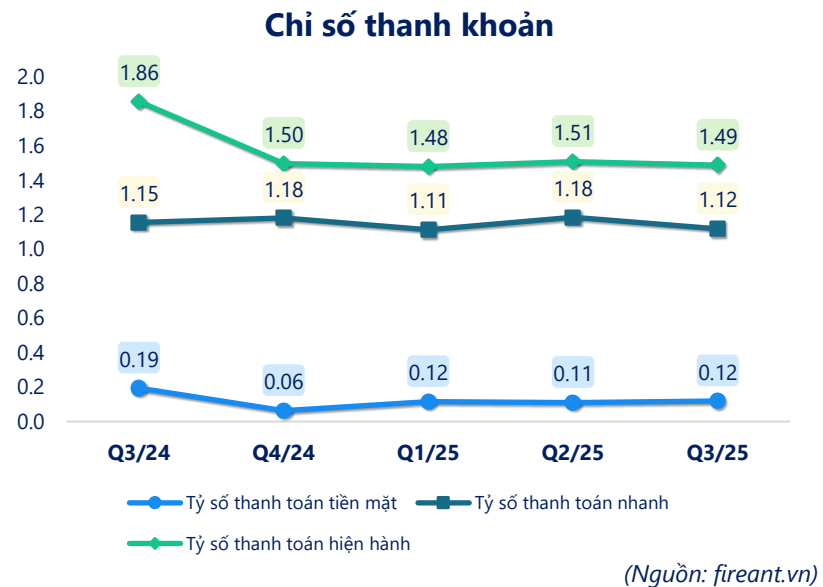
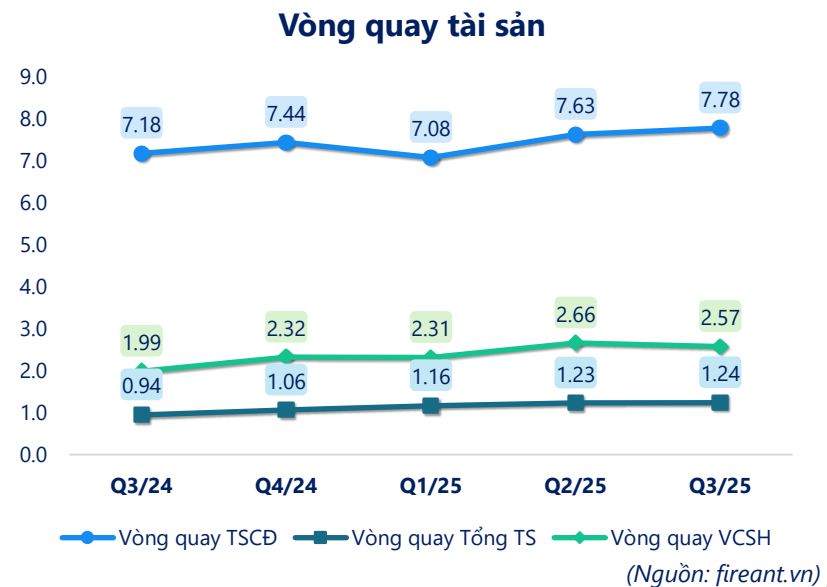
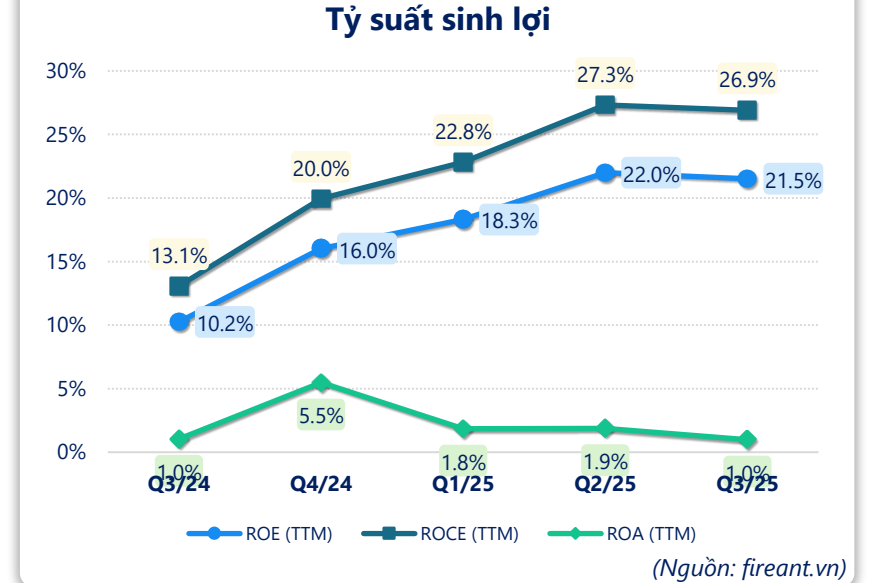
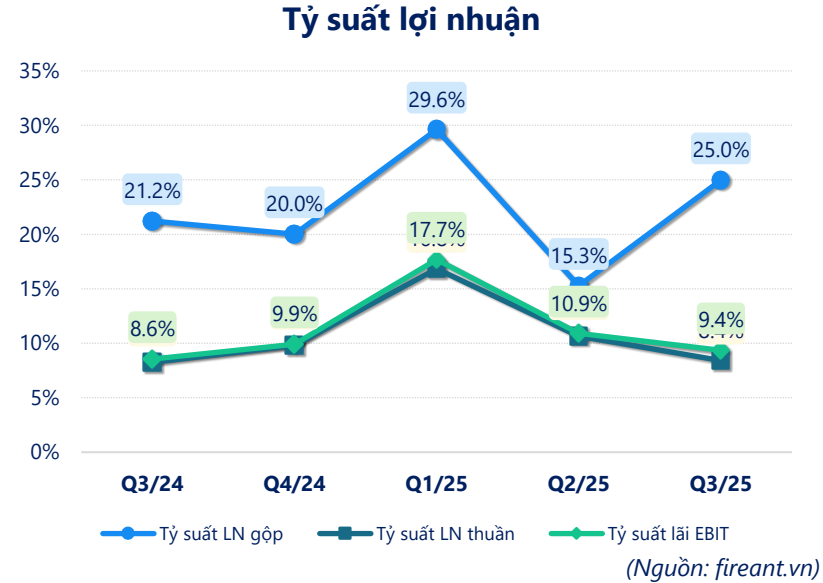
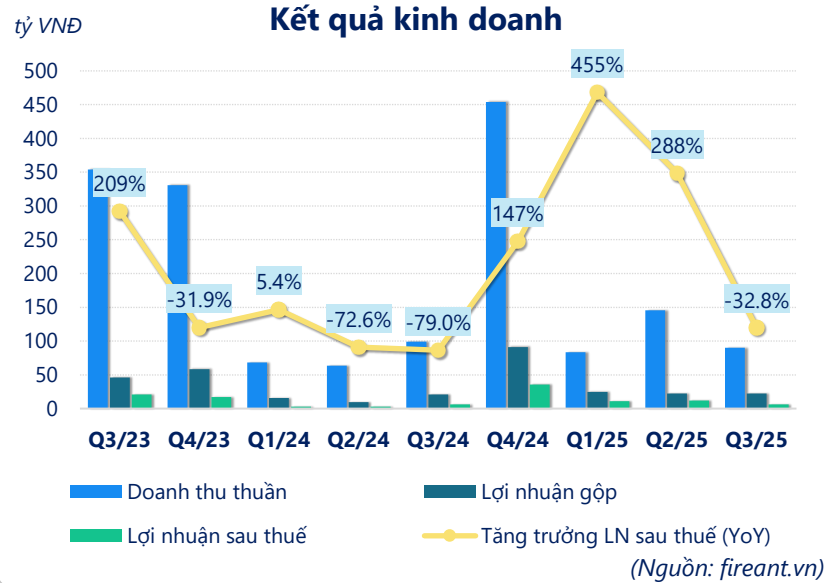


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,467
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,700
SL cổ phiếu LH		13,680,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,455
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		364
P/E		5.6
EPS		4,723

	YTD	1T	3T	6T
CTB	121.5%	53.5%	66.3%	71.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	706	709	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	574	579	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	46.2	24.4	89.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.8	74.9	-36.2%
Phải thu ngắn hạn	337	356	-5.5%
Hàng tồn kho	143	122	16.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.77	1.29	-40.3%
Tài sản dài hạn	132	130	1.2%
Phải thu dài hạn	5.38	5.39	-0.2%
Tài sản cố định	111	117	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.2	0.10	9586%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.90	7.39	-33.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	402	405	-0.8%
Nợ ngắn hạn	386	387	-0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.0	66.3	-12.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	203	208	-2.1%
Nợ dài hạn	15.5	18.2	-14.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	304	304	0.0%
Vốn chủ sở hữu	304	304	0.0%
Vốn điều lệ	137	137	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	98.9	454	83.3	145	90.1
Giá vốn hàng bán	77.9	363	58.6	123	67.6
Lợi nhuận gộp	21.0	90.9	24.7	22.2	22.5
Doanh thu HĐTC	1.26	1.03	1.37	1.37	1.11
Chi phí TC	0.54	0.62	0.78	0.71	0.60
Chi phí lãi vay	0.51	0.62	0.70	0.70	0.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.16	17.1	3.75	4.12	4.51
Chi phí QLDN	9.37	29.8	7.48	3.25	10.9
LN thuần từ HĐKD	8.15	44.4	14.0	15.5	7.58
Lợi nhuận khác	-0.20	-0.03	0.00	-0.35	0.26
LN trước thuế	7.95	44.4	14.0	15.2	7.84
Lợi nhuận sau thuế	6.22	35.4	11.1	12.0	6.16
LNST của CĐ cty mẹ	6.22	35.4	11.1	12.0	6.16

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.8	-6.56	64.6	24.2	-39.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.7	-16.6	-24.1	-5.01	37.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.5	0.92	-16.5	-27.5	8.30
Tiền đầu kỳ	23.0	46.5	24.4	48.4	40.1
Lưu chuyển tiền thuần	23.6	-22.2	24.0	-8.29	6.05
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	46.5	24.4	48.4	40.1	46.2

(Nguồn: fireant.vn)